

QUÁ TRÌNH ĂNGGHEN PHÊ PHÁN TRIẾT HỌC DUY TÂM CỦA HÊGHEN TRONG TÁC PHẨM “LÚTVÍCH PHOIỐBẮC VÀ SỰ CÁO CHUNG TRIẾT HỌC CỔ ĐIỂN ĐỨC”

Nguyễn Thị Khương (*Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên*)

“Lútvích Phoiobắc và sự cáo chung triết học cổ điển Đức” do Ph. Ăngghen viết là một trong những tác phẩm quan trọng nhất trong di sản lý luận triết học của chủ nghĩa Mác. Tác phẩm được Lê-nin đánh giá rất cao, và cho đó là một trong những cuốn sách gối đầu giường của giai cấp công nhân.

Tác phẩm này được Ăngghen viết vào năm 1885, sau khi Mác qua đời được hai năm theo nguyện vọng của tạp chí “Neue Zeit” (Thời Mới)- một cơ quan lý luận của Đảng Cách mạng dân chủ Đức hồi ấy. Tác phẩm được đăng trên hai số liên tục tháng 4 và 5 năm 1886 của tạp chí “Neue Zeit”. Qua tác phẩm này Ăngghen muốn chứng minh cho mọi người thấy rõ thái độ của ông và Mác với hai nhà triết học cổ điển Đức là Hêghen và Phoiobắc cũng như việc các ông kế thừa những tư tưởng hợp lý của Hêghen và Phoiobắc như thế nào trong việc đề xuất các nguyên lý triết học duy vật lịch sử. Ăngghen coi đây là “món nợ danh dự” mà các ông phải trả do trước đây các ông chưa trả được.

Chúng ta biết rằng Hêghen (1770- 1831) là người kết thúc việc xây dựng tòa nhà của chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức. Là một giáo sư giảng dạy triết học song Hêghen không xem xét triết học dưới góc cạnh khoa học mà ông cho rằng triết học là sự xem xét đối tượng một cách có suy nghĩ, còn tư duy nói chung là cái làm cho con người khác với con vật. Triết học của Hêghen, ngoài phép biện chứng – cái hạt nhân hợp lý mang tính cách mạng thì còn lại là một mớ kiến thức phản động, chứa đầy mâu thuẫn với chính phép biện chứng cách mạng của ông. Chính vì vậy, khi nghiên cứu triết học của Hêghen để kế thừa cái hạt nhân hợp lý đó, Mác- Ăngghen đã phải vừa phê phán, vừa khắc phục tính duy tâm trong triết học Hêghen.

Trong “Lútvích Phoiobắc và sự cáo chung triết học cổ điển Đức” Ăngghen đã đề cập rất kỹ về quá trình ông và Mác khắc phục chủ nghĩa duy tâm của Hêghen như thế nào? Điều đó được thể hiện rõ nhất qua việc Mác- Ăngghen gạt bỏ tất cả những phương diện duy tâm chủ nghĩa trong phương pháp biện chứng của triết học Hêghen và xây dựng nên phương pháp biện chứng duy vật mang tính cách mạng triệt để và đại chúng. Vấn đề này được Ăngghen trình bày kỹ trong phần bốn của tác phẩm.

Trong tác phẩm, Ăngghen đã chỉ ra rằng thời gian đầu các ông còn chịu ảnh hưởng rất nhiều của triết học Hêghen. Nhưng sau khi nghiên cứu triết học Hêghen thì hai ông đã nhận ra tính chất duy tâm, mâu thuẫn giữa phương pháp và hệ thống trong triết học Hêghen. Từ đó các ông đã bắt đầu gạt bỏ Hêghen một cách có phê phán, có kế thừa - tức là chỉ gạt bỏ đi ở Hêghen những cái không hợp lý, không tích cực còn giữ lại những cái gì là hợp lý là tích cực. Cái hợp lý, cái tích cực trong triết học Hêghen được Mác- Ăngghen xác định đó chính là phương pháp biện chứng được Hêghen bọc trong cái vỏ duy tâm thần bí. Ăngghen cho rằng chính sự tan rã của triết học Hêghen dẫn đến sự xuất hiện chủ nghĩa duy vật biện chứng, ông viết: “Sự tan rã của học phái Hêghen cũng còn làm nảy sinh ra một khuynh hướng khác, khuynh hướng duy nhất thực sự

đem lại kết quả - khuynh hướng này chủ yếu gắn với tên tuổi của Mác” (C. Mác - Ăngghen, toàn tập, tập 21, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, trang 427- 428). Với lối tư duy đó Ăngghen đã lần lượt chỉ rõ mặt cách mạng và hạn chế trong triết học Hêghen.

Trước hết Ăngghen đã chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của triết học Hêghen- đó chính là mâu thuẫn giữa phương pháp biện chứng với hệ thống triết học của ông ta. Ăngghen cho rằng đây chính là hạn chế lớn nhất trong triết học Hêghen. Hạn chế đó của Hêghen thể hiện ở chỗ nếu như phép biện chứng là hạt nhân hợp lý, là mặt tiến bộ trong triết học của Hêghen thì ngược lại hệ thống triết học của ông ta lại duy tâm, siêu hình. Chính yêu cầu của hệ thống đã dẫn Hêghen đến việc thừa nhận điểm cuối cùng trong việc nhận thức triết học và thực tiễn lịch sử. Ăngghen viết : “Song như thế có nghĩa là tuyên bố rằng toàn bộ nội dung giáo điều của hệ thống Hêghen đều là chân lý tuyệt đối, vậy là trái với phương pháp biện chứng của ông, phương pháp đã phá bỏ mọi cái có tính chất giáo điều. Như thế nghĩa là mặt cách mạng của học thuyết Hêghen đã bị đè bẹp bởi sự trưởng thành quá khổ của mặt bảo thủ của nó. Và điều đúng với nhận thức triết học thì cũng lại đúng với cả thực tiễn lịch sử nữa” (sdd-tr.396). Rõ ràng, ở đây Ăngghen đã phê phán Hêghen, song ông không chỉ dừng lại ở việc phê phán Hêghen mà thông qua đó Ăngghen còn muốn phê phán cả một giai cấp tư sản Đức nhỏ bé về kinh tế, yếu hèn về chính trị, không đủ sức để làm nên một cuộc cách mạng tư sản như ở nước Pháp cuối thế kỷ XVIII. Bởi vậy, hạn chế đó không phải riêng của mình Hêghen mà còn là hạn chế chung của các nhà lý luận và toàn bộ giai cấp tư sản Đức hồi bấy giờ.

Song, không chỉ biết phê phán Hêghen, Ăngghen còn đánh giá rất cao những tư tưởng cách mạng mà Hêghen đã đóng góp vào kho tàng triết học nhân loại. Ăngghen khẳng định: “Nhưng tất cả những điều đó –mặt hạn chế trong triết học Hêghen không ngăn trở hệ thống Hêghen bao trùm một lĩnh vực hết sức rộng lớn hơn bất cứ hệ thống nào trước kia, và phát triển, trong lĩnh vực đó, một sự phong phú về tư tưởng mà ngày nay người ta vẫn còn ngạc nhiên... Vì Hêghen không những chỉ là một thiên tài sáng tạo, mà còn là một nhà bác học có tri thức bách khoa, nên những phát biểu của ông tạo thành thời đại” (sdd-tr.397).

Thông qua việc đánh giá cao những ưu điểm của triết học Hêghen, Ăngghen đã phê phán Lútích Phoiobác. Cho rằng ông ta chỉ đơn thuần gạt bỏ triết học Hêghen mà không biết nắm lấy phương pháp cách mạng – phép biện chứng của Hêghen để làm phong phú cho triết học của mình. Tuy nhiên, Ăngghen cũng cho rằng không phải bê y nguyên phép biện chứng của Hêghen vào là mình đã có một phương pháp thực sự cách mạng được vì phép biện chứng dưới hình thức của Hêghen thì không thể dùng được mà phép biện chứng đó cũng cần phải cải tạo lại. Cái cần phải gạt bỏ trong phép biện chứng của Hêghen chính là sự xuyên tạc có tính chất hệ tư tưởng, vì Hêghen cho rằng con người nhận thức được thế giới song thế giới đó không phải là thế giới hiện tượng mà chính là thế giới của ý niệm tuyệt đối. Ý niệm tuyệt đối này tồn tại vĩnh viễn và vận động không ngừng. Nhận thức của con người là sự phản ánh của sự vận động riêng của ý niệm tuyệt đối. Ăngghen cho rằng đây là sự thể hiện rõ nhất điểm khác nhau giữa phép biện chứng của chủ nghĩa Mác với phép biện chứng của Hêghen. Về điều này Ăngghen viết : “ở Hêghen, sự phát triển biện chứng biểu hiện trong giới tự nhiên và trong lịch sử... chỉ là sự sao chép lại sự tự vận động của ý niệm, một sự tự vận động diễn ra vĩnh viễn, không biết ở đâu, nhưng dù sao cũng độc lập đối với mọi bộ óc đang tư duy của con người. Sự xuyên tạc mang tính chất tư tưởng ấy cần

gạt bỏ. Chúng tôi lại trở về với quan điểm duy vật và thấy rằng những ý niệm trong đầu óc của chúng ta là những phản ánh của sự vật hiện thực, chứ không xem những sự vật hiện thực là những phản ánh của giai đoạn này hay giai đoạn khác của ý niệm tuyệt đối” (sđd-tr.429).

Trên cơ sở phép biện chứng duy tâm của Hêghen, Ăngghen đã đưa ra quan niệm về phép biện chứng duy vật. Thoạt đầu, Ăngghen đưa ra định nghĩa kinh điển về phép biện chứng và đồng thời ông phân biệt rõ hai loại biện chứng là biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan. Theo Ăngghen thì : “phép biện chứng được quy thành khoa học về các quy luật chung của sự vận động của thế giới bên ngoài cũng như của tư duy con người, với hai loại quy luật đồng nhất về thực chất, nhưng khác nhau về biểu hiện, theo ý nghĩa là bộ óc con người có thể vận dụng những quy luật đó một cách có ý thức, còn trong tự nhiên, và cho đến nay, phần lớn cả trong lịch sử loài người, những quy luật đó tự mở cho mình một con đường đi, một cách vô ý thức, dưới hình thức tất yếu bên ngoài, giữa một loạt vô cùng tận những sự ngẫu nhiên bên ngoài. nhưng như vậy thì bản thân biện chứng của ý niệm cũng chỉ đơn thuần là sự phản ánh có ý thức của sự vận động biện chứng của thế giới hiện thực” (sđd-tr.429-430). Ăngghen cho rằng biện chứng của tự nhiên tức biện chứng khách quan và biện chứng của sự nhận thức, tức biện chứng chủ quan là hai loại biện chứng đã, đang và sẽ tồn tại trong thế giới hiện thực. Biện chứng khách quan đó là biện chứng của tự nhiên luôn vận động, biến đổi và phát triển tuân theo những quy luật chặt chẽ, vốn có của nó. Còn biện chứng chủ quan chính là sự nhận thức của con người - đó là sự phản ánh những quy luật của thế giới hiện thực trong đầu óc con người. Như vậy, phép biện chứng khách quan là phương pháp nghiên cứu biện chứng của tự nhiên còn phép biện chứng chủ quan là phương pháp nghiên cứu sự phản ánh biện chứng của tự nhiên. Qua đây, một lần nữa ta thấy rõ sự khác nhau, đối lập nhau giữa phép biện chứng của Hêghen với phép biện chứng của Mác-Ăngghen. Mác - Ăngghen coi những ý niệm trong đầu óc con người là phản ánh của sự vật hiện thực. Bản thân biện chứng của ý niệm cũng chỉ đơn thuần là sự phản ánh có ý thức của sự vận động biện chứng của thế giới hiện thực. Và với việc làm đó của hai ông thì “phép biện chứng của Hêghen đã được đảo ngược lại. Hay nói đúng hơn từ chỗ trước kia nó đứng bằng đầu, bây giờ người ta đặt nó đứng bằng chân” trên mảnh đất của chủ nghĩa duy vật.

Từ lý luận trên của mình, Ăngghen đã phân tích sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.

Về phương pháp siêu hình Ăngghen chỉ ra nguồn gốc của nó: Ăngghen cho rằng chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII-XVIII có thiếu sót lớn là mang nặng tính chất siêu hình, do tình trạng không phát triển của khoa học tự nhiên mang lại. Ở thời kỳ này khoa học tự nhiên chỉ nghiên cứu những vật vô cơ và hữu cơ như những vật thể có cấu tạo một lần là xong. Đến tận cuối thế kỷ XVIII khoa học tự nhiên cũng chỉ mới dừng lại ở việc mô tả và sưu tập tài liệu và là khoa học của các vật nhất thành bất biến với phương pháp phân tích thực nghiệm là phương pháp nghiên cứu chủ yếu. Chính vì vậy mà phương pháp siêu hình coi thế giới như là một tập hợp các sự vật đã hình thành không có phát triển, coi mọi sự vật là bất biến. Nói về phương pháp siêu hình, Ăngghen viết: “phương pháp nghiên cứu và tư duy cũ mà Hêghen gọi là phương pháp siêu hình tức là phương pháp chủ yếu nghiên cứu những sự vật như là đã hoàn thành, cố định, phương pháp mà tàn tích cho đến nay vẫn còn tiếp tục bám chặt vào đầu óc con người. Phương pháp đó, vào thời của nó, đã có căn cứ lịch sử lớn của nó. Cần phải nghiên cứu các sự vật trước khi có thể bắt

tay nghiên cứu các quá trình. Trước hết cần phải biết một sự vật nào đấy là cái gì, rồi mới có thể nghiên cứu những sự biến đổi diễn ra trong sự vật đó. Trong các khoa học kỹ thuật, tình hình là như vậy. Siêu hình học cũ cho rằng các sự vật đã được cấu tạo nhất thành bất biến – là sản phẩm của một khoa học tự nhiên nghiên cứu những vật vô sinh và những vật hữu sinh như là những vật nhất thành bất biến” ((Sđd – tr.431). Ăngghen cho rằng, với điều kiện lịch sử như vậy thì phương pháp tư duy siêu hình thống trị thời kỳ đó là một tất yếu. Nhưng sang đến thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên đã tiến lên một bước lớn “về thực chất đã trở thành một khoa học hệ thống hóa, khoa học về các quá trình, về sự phát sinh, phát triển của các sự vật đó và về mối liên hệ gắn bó các quá trình đó của tự nhiên thành một chỉnh thể lớn” (Sđd – tr.432). Bởi vậy mà phương pháp siêu hình không còn thích hợp nữa vì có quá nhiều nhược điểm, thiếu sót, hạn chế. Khoa học tự nhiên bắt buộc nó phải lùi về lịch sử, nhường chỗ cho một phương pháp mới thích hợp hơn – phương pháp biện chứng. Về điều này, Ăngghen viết: “Nhưng khi việc nghiên cứu ấy, tiến đến mức có thể có được bước tiến quyết định, nghĩa là bước chuyển sang nghiên cứu có hệ thống những biến đổi mà những vật đó trải qua ở ngay trong tự nhiên thì lúc đó, trong lĩnh vực triết học, giờ cáo chung của siêu hình học cũ đã điểm. Và thực vậy, nếu như đến với thế kỷ trước, khoa học tự nhiên chỉ là một khoa học sưu tập, một khoa học về các vật nhất thành bất biến, thì trong thế kỷ của chúng ta, khoa học tự nhiên, về thực chất đã trở thành một khoa học hệ thống hóa, khoa học về các quá trình, về sự phát sinh và phát triển của các sự vật đó và về mối liên hệ gắn bó với các quá trình đó của tự nhiên thành một chỉnh thể lớn” (sđd – tr.432).

Vậy, phương pháp biện chứng có ưu điểm gì hơn so với phương pháp siêu hình. Ăngghen chỉ rõ, phương pháp biện chứng thể hiện tính ưu điểm ở chỗ nó coi thế giới như một quá trình trong đó các sự vật không ngừng sinh ra, không ngừng mất đi, không ngừng phát triển. Nó có sự đối lập giữa chân lý và sai lầm, giữa thiện và ác... và sự đối lập ấy cũng chỉ mang ý nghĩa tương đối mà thôi.

Trong khi chỉ ra nguồn gốc của phương pháp siêu hình thì Ăngghen cũng chỉ ra nguồn gốc của phương pháp biện chứng. Nguồn gốc trực tiếp nhất của phương pháp biện chứng theo Ăngghen là do sự ra đời của ba phát minh vĩ đại trong khoa học tự nhiên vào cuối thế kỷ XIX: một là, sự phát minh ra tế bào, hai là, sự phát minh ra định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, ba là, sự phát minh của Đacuyn về thuyết tiến hóa.

Như vậy là để khắc phục phương pháp tư duy siêu hình, Mác và Ăngghen đã tiến đến phương pháp biện chứng duy vật. Điều đó có được là do hai ông đã phê phán và kế thừa triết học của Hêghen. Song có một điều vô cùng quan trọng mà Ăngghen đã đề cập đến trong việc khắc phục chủ nghĩa duy tâm của Hêghen là Ăngghen cho rằng phép biện chứng duy vật không chỉ nghiên cứu và vận dụng đúng khi nghiên cứu tự nhiên mà nó còn được vận dụng trong nghiên cứu lịch sử. Vì cũng giống như tự nhiên, lịch sử xã hội loài người cũng phát triển như một quá trình. Ăngghen viết về điều này: “song điều đó đã đúng với giới tự nhiên mà chúng ta coi là một quá trình lịch sử thì cũng đúng với tất cả các bộ môn của lịch sử xã hội và cũng đúng với toàn bộ các khoa học nghiên cứu những cái thuộc về con người” (Sđd-tr.434). Chính từ tư duy này mà Ăngghen đã đưa ra một số quan điểm về chủ nghĩa duy vật lịch sử có giá trị rất lớn.

Về mặt lý luận, như Lênin đã từng nhận xét, tác phẩm là cuốn sách gối đầu giường của giai cấp công nhân. Nó chính là cơ sở lý luận không thể thiếu giúp cho giai cấp công nhân và

Đảng cộng sản ở các nước trong đó có nước ta đưa ra những định hướng chiến lược, sách lược phù hợp về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Còn về mặt thực tiễn, cuốn sách mà Ăngghen viết đã soi đường, chỉ lối cho quá trình xây dựng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên đất nước ta đặc biệt là những năm gần đây. Nó giúp cho chúng ta nhận định đúng cũng như biết vận dụng một cách sáng tạo trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa ở nước ta 📖

Tài liệu tham khảo

- [1]. Các Mác- Ph.Ăngghen , toàn tập, tập 21, Nxb chính trị Quốc gia, Hà nội 1995.
- [2]. Giáo trình triết học dùng cho nghiên cứu sinh và cao học không chuyên triết. Nxb chính trị quốc gia 2001, tập 2.
- [3]. Lịch sử phép biện chứng Mácxit, Nxb chính trị quốc gia 1998, tập 2,3.
- [4]. Lênin toàn tập, tập 23 Nxb Matxcova 1978.
- [5]. Trần Văn Phòng, “Một số quan điểm duy vật lịch sử trong tác phẩm *Lut vích PhoiơBắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*”. Tạp chí Lý luận số 11 năm 2005.
- [6]. *Vấn đề triết học trong tác phẩm của Mác - Ăngghen – VI Lênin*. Sách tham khảo. Nxb chính trị quốc gia 2003. PGS.TS Doãn Chính – TS. Đinh Ngọc Thạch chủ biên.